

Bản án số: 73/2022/DS - PT

Ngày: 26/9/2022

V/v: "Tranh chấp quyền sử dụng đất."

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Quế và Bà Nguyễn Minh Lý

- Thư ký phiên tòa: Ông Đào Bảo Vĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số **25/2022/TLPT- DS ngày 14/6/2022** về việc "Tranh chấp quyền sử dụng đất". Do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DSST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số **32/2022/QĐ-PT ngày 04 tháng 07 năm 2022** giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ma Văn S, sinh năm 1962, có mặt.

Địa chỉ: Xóm BR (nay là BN), xã NT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Ma Văn S: Bà Lê Thúy H, Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Hà Đình P, sinh năm 1984, có mặt.

Địa chỉ: Xóm BR (nay là BN), xã NT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Người bảo vệ quyền lợi ích hợp pháp cho ông Hà Đình P: Bà Mạc Thị H1, Luật sư – Cộng tác viên của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Hoàng Thị Minh H2, sinh năm 1961. Người đại diện theo ủy quyền ông Ma Văn S, sinh năm 1962; Địa chỉ: Xóm BR (nay là BN), xã NT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên, có mặt.

3.2. Chị Hoàng Thị H3, sinh năm 1985, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3.3. Bà Hà Thị H4, sinh năm 1961, có mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm BR (nay là BN), xã NT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

4. Người làm chứng:

4.1. Anh Hà Xuân S1, sinh năm 1982, vắng mặt.

4.2. Ông Ma Công B, sinh năm 1979, vắng mặt.

4.3. Ông Ma Đình T, sinh năm 1978, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Xóm BR (nay là BN), xã NT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

5. Người kháng cáo: Anh Hà Đình P

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bản án sơ thẩm nguyên đơn là ông Ma Văn S và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hoàng Thị Minh H2 trình bày:

Ông bà khởi kiện yêu cầu anh Hà Đình P người cùng xóm phải trả lại cho ông 2310m² đất lâm nghiệp và di dời toàn bộ cây Keo, Mỡ và Sắn do anh P trồng ra khỏi khu đất tranh chấp tại thửa đất số 133 tờ bản đồ địa chính số 2 xã NT, đất đã được Ủy ban nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00824 ngày 30/01/2018 mang tên ông Ma Văn S, bà Hoàng Thị Minh H2 tổng diện tích thửa đất 8018 m² thuộc xóm BR, xã NT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

Nguồn gốc diện tích đất tranh chấp trước đây do bố mẹ ông (S) khai phá để trồng lúa nương và cây cọ, cây gồi (bố mẹ hiện nay đã chết), từ năm 1990 ông bà là người quản lý sử dụng toàn bộ diện tích đất đai của bố mẹ để lại trong đó có thửa đất hiện nay đang tranh chấp với ông P. Năm 2020 ông P đã lấn chiếm vào đất của ông bà, ông bà đã nói chuyện với ông P nhiều lần nhưng ông P không nghe, đến tháng 01/2021 ông P tiếp tục lấn chiếm thêm vào đất của gia đình ông bà nên ông (S) làm đơn khởi kiện ông P. Khi xảy ra tranh chấp trên diện tích đất không có tài sản gì, tuy nhiên sau khi Ủy ban nhân dân xã xác minh tại thực địa khoảng 4 đến 5 ngày sau thì gia đình ông P đã trồng Keo và sắn lên diện tích tranh chấp. Từ khi gia đình ông bà quản lý sử dụng và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tại thửa đất 133 gia đình ông bà chỉ bảo vệ chăm sóc các cây tạp mọc tự nhiên, năm 2019 trồng 200 cây keo và 02 bụi nứa phắn, đầu năm 2021 gia đình ông bà tiếp tục trồng thêm keo và sắn.

Tài liệu, chứng cứ phía nguyên đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ CH 00824 ngày 30/01/2018; Hồ Sơ kỹ thuật thửa đất; Sổ hộ khẩu gia đình; Chứng minh nhân dân (Đều là bản photo công chứng); Hồ sơ giải quyết tranh chấp do Ủy ban nhân dân xã NT lập.

Bị đơn anh Hà Đình P và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Hoàng Thị H3 và bà Hà Thị H4 trình bày:

Anh chị không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn S. Về nguồn gốc diện tích đất hiện nay đang tranh chấp, trước đây do ông bà nội anh (Phiên) khai phá để trồng chè, sau đó trồng sắn. Khoảng năm 1997 thì được nhà nước giao đất giao rừng phủ xanh đất trống đồi trọc và được cấp cây Mỡ để trồng. Năm 2012 bố anh chết, toàn bộ diện tích đất tại thửa đất 123 do anh trực tiếp quản lý, sử dụng và canh tác. Khoảng năm 2013, xã triển khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh đã kê khai thửa đất trên sau đó xã thông báo nộp lại hồ sơ giao đất giao rừng để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, anh đã mang hồ sơ giao đất giao rừng nộp tại Ủy ban nhân dân xã khai nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Tháng 9/2021, Ủy ban nhân dân xã thông báo cho anh đến Ủy ban nhân dân xã để kê khai lại,

anh đã đến Ủy ban nhân dân xã tiếp tục kê khai toàn bộ diện tích đất của anh. Riêng thửa đất số 123 do đang có tranh chấp nên xã không cho kê khai và nói khi nào giải quyết xong tranh chấp thuộc ai quản lý sử dụng sẽ kê khai sau. Qua nhiều lần kê khai anh vẫn chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hiện nay không có một loại giấy tờ gì. Diện tích đất 2310m² anh xác định nằm trong thửa đất số 123 tờ bản đồ số 02 xã NT có tổng diện tích 3060m². Cuối năm 2020 anh lên phát dọn để trồng cây, đến tháng 2/2021 anh lên đốt, đến tháng 4/2021 anh trồng sắn ông S có bảo anh đến Ủy ban nhân dân xã để xác định đất của ai thì người đó có quyền sử dụng, anh có ra xã cùng cán bộ địa chính xem ranh giới. Sau khi đối chiếu cán bộ địa chính xã nói theo bản đồ thì diện tích tranh chấp là của ông S, anh không đồng ý nên ông S đã làm đơn khởi kiện anh, việc khởi kiện tranh chấp đất đai xảy ra từ tháng 5/2021. Khi xảy ra tranh chấp trên diện tích đất không có tài sản gì, nay gia đình anh chị đã trồng Keo và Sắn lên diện tích tranh chấp. Anh chị không nhất trí trả lại cho ông S diện tích đất tranh chấp 2310m². Đề nghị Tòa án giải quyết hợp tình hợp lý và đúng theo quy định của pháp luật.

Tài liệu, chứng cứ bị đơn đã giao nộp cho Tòa án gồm: Sổ hộ khẩu gia đình; Chứng minh nhân dân; Hồ sơ giao đất lâm nghiệp (đều là bản photo công chứng).

Những người làm chứng trình bày:

Ông Hà Xuân S1 khai: Ông có quan hệ với anh Hà Đình P là anh họ. Việc xảy ra tranh chấp giữa ông S và anh P xảy ra từ năm 2020 khi đó ông là Bí thư chi bộ xóm BR còn ngày tháng cụ thể ông không rõ chỉ biết giữa gia đình ông S và anh P có hai thửa đất liền kề nhau. Quá trình xảy ra tranh chấp ông S làm đơn khởi kiện anh P ông cũng được tham gia hòa giải nhưng hai bên không thống nhất được. Về nguồn gốc tranh chấp trước đây là bãi ốt ông nội của anh P cũng là ông nội của ông trồng chè, sau đó khoảng năm 2003 nhà nước làm đường đã phá chè đi để hạ thấp đường xuống anh P trồng mỗ và trồng hoa màu ông thấy anh P làm thường xuyên không có ai tranh chấp với ai. Đến năm 2007 nhà nước đo vẽ lại ông có đi tham gia cùng để đo thửa đất trên của ông nhưng ông đã để cho ông P1 (bố ông P) là chủ của ông thửa đất đó. Khi đó có ông Hà Đình P1 và ông Ma Văn S cùng đến tại thửa đất đó và thống nhất chia nhau theo đông có cột điện thẳng xuống của ai người đó làm. Đối với diện tích đất liền kề của ông S ông vẫn thấy ông S quản lý sử dụng trồng trọt, còn với việc kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đang tranh chấp giữa ông S và anh P ông không biết, còn gia đình anh P đi kê khai xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa ông không nắm được. Quá trình giải quyết tại xóm ông được biết gia đình anh P chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất anh P xác định là thửa đất số 123 tờ bản đồ số 2 xã NT. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết hòa giải để hai bên thống nhất giữ gìn tình cảm hai gia đình và giải quyết theo pháp luật.

Ông Ma Đình T: Ông có quan hệ với anh Hà Đình P là cậu cháu (ông là cậu anh P). Việc xảy ra tranh chấp giữa ông S và anh P xảy ra từ năm 2020 bản

thân ông là Công an xóm BR nên ông nắm được còn ngày tháng cụ thể ông không rõ. Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông S và anh P trước đây ông vẫn thấy gia đình anh P trồng trọt trên thửa đất hiện nay đang tranh chấp, giữa gia đình ông S và anh P có hai thửa đất liền kề nhau còn việc lấn chiếm cụ thể như thế nào ông cũng không biết. Quá trình xảy ra tranh chấp ông S làm đơn khởi kiện anh P ông cũng được tham gia hòa giải trường xóm đã phân tích cho hai bên cùng thỏa thuận với nhau nhưng không thống nhất được. Đối với diện tích đất tranh chấp trước đây là bãi ốt ông nội của anh P trồng chè, đến khoảng năm 2003 nhà nước làm đường đã phá chè đi để hạ thấp đường xuống ông thấy gia đình anh P trồng cây mỡ và trồng hoa màu và làm thường xuyên không có ai tranh chấp với ai. Đối với diện tích đất liền kề của ông S ông vẫn thấy ông S quản lý sử dụng trồng trọt và trồng Keo và Sắn. Đối với việc kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đang tranh chấp giữa ông S và anh P ông không nắm được. Quá trình giải quyết tại xóm ông được biết ông S đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn gia đình anh P chưa được cấp giấy giấy tờ gì. Quan điểm của ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết để hai bên thống nhất hợp tình hợp lý và giải quyết theo pháp luật.

Ông Ma Công B: Ông có quan hệ với anh Hà Đình P là hàng xóm, ông S là anh họ. Việc xảy ra tranh chấp giữa ông S và anh P xảy ra từ thời gian nào ông không biết chỉ biết hai bên đang giải quyết tranh chấp tại Tòa án. Về nguồn gốc đất tranh chấp giữa ông S và anh P ông không rõ nguồn gốc từ đâu ông chỉ thấy hai bên có thửa đất giáp ranh nhau còn của ai từ đâu ông không nắm được và không thấy hai bên tranh chấp gì. Cách đây 1 đến 2 năm ông thấy anh P phát để trồng cây Keo thì thấy xảy ra tranh chấp với ông S còn việc lấn chiếm cụ thể như thế nào ông cũng không biết. Đối với việc kê khai đăng ký và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đang tranh chấp giữa ông S và anh P ông không nắm được, không rõ ông S và anh P đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay chưa. Ông không có ý kiến gì khác, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28/02/2022 của Tòa án nhân dân huyện VN, xác định được diện tích đất tranh chấp là 2310m² nằm trên thửa đất số 133, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính xã NT, huyện VN, tỉnh Thái Nguyên nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 278885 số vào sổ cấp GCN: CH 000824 do Ủy ban nhân dân huyện VN cấp ngày 30/01/2018 có tổng diện tích 8018m² mang tên ông Ma Văn S và bà Hoàng Thị Minh H2. Hiện trạng trên đất có các tài sản sau: 30 cây Mỡ có đường kính trung bình 2cm đến 3cm; 380 cây Keo có đường kính gốc trung bình từ 1cm đến 2cm; 770 m² Sắn (đã cho thu hoạch) trồng xen canh trên diện tích đất tranh chấp.

Kết quả định giá ngày 28/02/2022: 2310m² đất đang tranh chấp có giá là 27.720.000 đồng; 30 cây Mỡ có giá 435.000 đồng; 380 cây Keo có giá 2.850.000 đồng; 770 m² Sắn (đã cho thu hoạch) có giá 4.620.000 đồng. Tổng giá trị đất và tài sản trên đất đang tranh chấp là 35.625.000 đồng.

Với nội dung trên, tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện VN đã quyết định: Căn cứ Điều 26, 35, 39, 147, 157, 165, 235, 264 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 115, 165, 166 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 4, khoản 2 Điều 5, Điều 97, 99, 100, khoản 2 Điều 105, khoản 1, khoản 5 Điều 166, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Ma Văn S đối với ông Hà Đình P.

Buộc ông Hà Đình P trả cho ông Ma Văn S 2310m² đất rừng sản xuất nằm trong tổng diện tích 8018m² thuộc thửa 133 tờ bản đồ địa chính số 02 xã NT, huyện VN thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 278885, sổ vào sổ cấp giấy CH 00824 do Ủy ban nhân dân huyện VN cấp ngày 30/01/2018 có tổng diện tích 8018m² cho ông Ma Văn S và bà Hoàng Thị Minh H2 (có trích lục kèm theo) có trị giá 27.720.000 đồng (*hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

Ông Hà Đình P có trách nhiệm khai thác, thu hoạch, di dời 30 cây Mỡ có đường kính gốc trung bình từ 2cm đến 3cm trị giá 435.000 đồng; 380 cây Keo có đường kính gốc trung bình từ 1cm đến 2cm trị giá 2.850.000 đồng; 770m² cây Sắn đã cho thu hoạch trị giá 4.620.000 đồng ra khỏi vị trí đất tranh chấp để trả lại diện tích đất 2310m² tại vị trí thửa 133, tờ bản đồ địa chính số 2 xã NT, huyện VN cho ông Ma Văn S và bà Hoàng Thị Minh H2 quản lý sử dụng.

Về án phí: Buộc ông Hà Đình P phải chịu 1.781.250 đồng (*một triệu bảy trăm tám mươi một nghìn hai trăm năm mươi đồng*) án phí dân sự sơ thẩm theo giá ngạch. Hoàn trả cho ông Ma Văn S 375.000 đồng (*ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ông S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VN theo biên lai số 0004835 ngày 09/11/2021.

Về chi phí tố tụng: Ông Hà Đình P phải chịu 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) chi phí định giá tài sản. Ông Ma Văn S đã nộp 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) chi phí định giá tài sản và đã chi phí hết, nay thu của ông Hà Đình P 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*) để trả cho Ma Văn S.

Ngoài ra bản án còn tuyên quyền thi hành án, quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/5/2022, anh Hà Đình P và ngày 16/5/2022 bà Hà Thị H4 cùng làm đơn kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn S và giao cho anh P quản lý, sử dụng 2310m² đất lâm nghiệp đang tranh chấp.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà H4, anh P không giao nộp thêm chứng cứ mới và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người bảo vệ quyền và lợi ích cho anh P đề nghị Hội đồng xét xử công nhận quyền sở hữu cho anh P đối với diện tích đất tại thửa 123 tờ bản đồ địa chính số 2 xã NT.

Người bảo vệ quyền và lợi ích cho ông S đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh P và bà H4. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện VN.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu về sự tuân theo pháp luật của Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự. Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Đình P. Áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03 ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện VN theo hướng miễn toàn bộ án phí dân sự cho anh P và bà H4 do thuộc dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe lời trình bày của các đương sự; ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng xét xử nhận xét:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của anh Hà Đình P và bà Hà Thị H4 đảm bảo hình thức, thời hạn, đủ điều kiện để giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hoàng Thị H3 có đơn xin xét xử vắng mặt; những người làm chứng vắng mặt nhưng họ đã có lời khai thể hiện trong hồ sơ và đã được triệu tập hợp lệ, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ông Ma Văn S khởi kiện yêu cầu anh Hà Đình P phải thu hoạch toàn bộ số cây trồng trên đất và trả lại 2.310m² đất trồng rừng, nằm trong tổng diện tích 8018m² tại thửa đất số 133, tờ bản đồ địa chính số 2 xã NT của ông đã được Ủy ban nhân dân huyện VN cấp GCNQSD đất số CL 278885, sổ vào sổ cấp giấy CH 00824 ngày 30/01/2018 mang tên ông Ma Văn S và bà Hoàng Thị Minh H2.

Bị đơn Hà Đình P không nhất trí với yêu cầu khởi kiện của ông S và đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của anh Hà Đình P và bà Hà Thị H4 thấy:

[3.1] Diện tích đất đang tranh chấp theo kết quả xem xét thẩm định của Tòa án (Bút lục 63, 67) và kết quả thẩm định xác minh tại Ủy ban nhân dân xã NT (Bút lục 153, 154) nằm hoàn toàn trong thửa đất 133 tờ bản đồ địa chính số 2 xã NT, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Ma Văn S ngày 30/01/2018, không nằm trong bất kỳ thửa đất nào được giao cho ông Hà Đình P1 (là bố đẻ anh P) theo Quyết định giao đất lâm nghiệp số 2957/QĐ-UB

ngày 10/11/1997 và cũng không nằm trong thửa đất 123 tờ bản đồ địa chính số 2 xã NT như anh P trình bày.

[3.2] Ông Hà Xuân S1 khai (Bút lục 135, 136): “...Đến năm 2007 nhà nước đo vẽ lại bản đồ địa chính ông có đi tham gia cùng để đo thửa đất trên...Khi đó có ông Hà Đình P1 và ông Ma Văn S cùng đến tại thửa đất đó và thống nhất chia nhau theo đông có cột điện thẳng xuống của ai người đó làm. Đối với diện tích đất liền kề của ông S ông vẫn thấy ông S quản lý sử dụng trồng trọt...”. Lời khai này của ông Sướng phù hợp với lời khẳng định của bà H4 tại phiên tòa hôm nay về việc “Ranh giới của thửa đất 123 nhà bà và thửa đất 133 của nhà ông S từ trước đến nay là 1 đường thẳng, không bị gấp khúc”. Các lời khai trên cũng phù hợp với bản đồ địa chính số 2 xã NT đối với thửa đất 133 và 123.

[3.3] Tại phiên tòa ông S khai: “Khi lập biên bản xác định ranh giới thửa đất 133 để xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2017, ông đã tự tay cầm biên bản này đến nhà anh P. Khi đó có mặt anh P, bà H4. Anh P là người trực tiếp ký vào biên bản nhưng lại ký và ghi tên chủ hộ là ông Hà Đình P1”. Còn anh P thừa nhận việc ông S có cầm biên bản xác định ranh giới đến nhà anh, tuy nhiên anh không biết ai là người ký tên bỏ anh vào biên bản, khi đó bố anh (ông P1) đã chết, nên anh đề nghị xem xét hồ sơ cấp đất của ông S. Như vậy, anh P đã biết việc ông S đang làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 133, giáp thửa 123 của anh và anh đã nhận được biên bản xác định ranh giới do ông S đưa, sau khi ông S làm hồ sơ và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất anh không có bất kỳ văn bản khiếu nại nào.

Ngoài lời khai gia đình anh đang là người trực tiếp sử dụng đất, thì anh Hà Đình P không xuất trình được bất kỳ tài liệu, giấy tờ nào để chứng minh phần diện tích đất đang tranh chấp là nằm trong thửa đất 123 của anh và việc anh đã nộp giấy tờ để kê khai xin cấp quyền sử dụng với thửa đất này. Toàn bộ số cây mỡ, cây keo và sắn trồng xen canh hiện nay được gia đình anh trồng trên phần diện tích 2.310m² là sau khi phát sinh tranh chấp năm 2020.

[3.4] Tại văn bản số 765/UBND-TNMT ngày 29/3/2022 của Ủy ban nhân dân huyện VN (BL 126) cũng đã khẳng định: “...Qua kiểm tra thửa đất 123 tờ bản đồ địa chính số 2 xã NT thì chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, tổ chức nào... Về trình tự, thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 278885 cấp ngày 30/01/2018 được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật.

- Thửa đất số 123 tờ bản đồ địa chính số 02 xã NT hiện nay chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chưa có chủ sử dụng đất đi kê khai cấp giấy. Sau khi kê khai thì các cơ quan có liên quan sẽ tiến hành kiểm tra, xác minh, nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất, tình trạng tranh chấp đất đai và các điều kiện khác có liên quan để xem xét thửa đất trên có đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hay không.

- Đối chiếu bản đồ quy hoạch sử dụng đất huyện VN thời kỳ 2021-2030 thì thửa đất số 123, 133 tờ bản đồ địa chính số 02 xã NT được quy hoạch sử dụng đất thời kỳ trên là đất rừng sản xuất chưa có trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện”.

[3.5] Như vậy có thể khẳng định thời điểm ông Hà Đình P1 còn sống đã xác định ranh giới, mốc giới giữa thửa đất 123 của gia đình ông và thửa đất 133 của ông S vào năm 2007. Hai bên đã quản lý sử dụng ổn định từ đó không tranh chấp. Năm 2018, ông S làm thủ tục xin cấp quyền sử dụng đất đối với thửa đất 133, anh P biết và đã đồng ý ký xác nhận giáp ranh thửa đất cho ông S (ký tên ông P1). Năm 2020, khi anh P phát đất trồng cây thì phát sinh tranh chấp. Phần đất anh P cho rằng của mình, được nằm hoàn toàn trong thửa đất 133 của ông S. Kể từ khi ông P1 còn sống, cho đến khi thửa đất được chuyển giao sang cho anh P, thì thửa đất 123 chưa hề được gia đình kê khai xin cấp quyền sử dụng đất và đến nay cũng không có bất kỳ chứng cứ, tài liệu nào để chứng minh 2.310m² đất là của gia đình ông P1 hay anh P.

[4] Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét, đánh giá đầy đủ các tài liệu chứng cứ thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án và lời khai của các đương sự để tuyên xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ma Văn S là có căn cứ. Kháng cáo của anh Hà Đình P và bà Hà Thị H4 là không có căn cứ chấp nhận.

Các quyết định khác của bản án không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Do anh P bà H4 là người dân tộc thiểu số ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, nên miễn toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm và dân sự sơ thẩm cho anh P và bà H4, theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Hoàn trả số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp cho anh P, bà H4.

[6] Quan điểm về giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tại phiên tòa phúc thẩm là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Không chấp nhận kháng cáo của anh Hà Đình P và bà Hà Thị H4. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 03/2022/DS-ST ngày 29/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện VN, tỉnh Thái Nguyên.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện tranh chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất của ông Ma Văn S đối với anh Hà Đình P.

+ Buộc anh Hà Đình P trả cho ông Ma Văn S 2.310m² đất rừng sản xuất, nằm trong tổng diện tích 8018m² thuộc thửa đất số 133, tờ bản đồ địa chính số

02 xã NT, huyện VN, đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CL 278885, sổ vào sổ cấp giấy CH 00824 do Ủy ban nhân dân huyện VN cấp ngày 30/01/2018 mang tên ông Ma Văn S và bà Hoàng Thị Minh H2 (có trích lục kèm theo) có trị giá 27.720.000 đồng (*hai mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi nghìn đồng*).

+ Anh Hà Đình P có trách nhiệm khai thác, thu hoạch, di dời 30 cây Mỡ có đường kính gốc trung bình từ 2cm đến 3cm trị giá 435.000 đồng; 380 cây Keo có đường kính gốc trung bình từ 1cm đến 2cm trị giá 2.850.000 đồng; 770m² cây Sắn đã cho thu hoạch trị giá 4.620.000 đồng ra khỏi vị trí đất tranh chấp để trả lại diện tích đất 2310m² tại vị trí thửa 133, tờ bản đồ địa chính số 2 xã NT, huyện VN cho ông Ma Văn S và bà Hoàng Thị Minh H2 quản lý sử dụng.

- Về chi phí tố tụng: Anh Hà Đình P phải chịu 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và 4.000.000 đồng (*bốn triệu đồng*) chi phí định giá tài sản. Do ông Ma Văn S đã nộp số tiền này, nên buộc anh Hà Đình P phải trả cho Ma Văn S số tiền 8.000.000 đồng (*tám triệu đồng*).

- Về án phí:

+ Án phí sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho anh Hà Đình P. Hoàn trả cho ông Ma Văn S 375.000 đồng (*ba trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí ông S đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện VN theo biên lai số 0004835 ngày 09/11/2021.

+ Về án phí phúc thẩm: Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho anh Hà Đình P và bà Hà Thị H4. Hoàn trả 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu số 0004932 và biên lai thu số 0004933 cùng ngày 24 tháng 5 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện VN, tỉnh Thái Nguyên cho anh P và bà H4.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND huyện VN;
- Chi cục THADS huyện VN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thủy

